

CHƯƠNG 7

7.1.3. Kết cấu của hợp đồng một văn bản

a) Kết cấu chung của một văn bản hợp đồng kinh tế:

❖ Phần mở đầu:

- Quốc hiệu.
- Tên hợp đồng, số và ký hiệu hợp đồng.
- Thời gian, địa điểm ký kết hợp đồng.
- Những căn cứ xác lập hợp đồng.

❖ Những thông tin về chủ thể hợp đồng:

- Tên.
- Địa chỉ.
- Các số máy Fax, Telex, Phone, E-mail...
- Người đại diện ký kết

❖ Phần nội dung của văn bản hợp đồng kinh tế:

Thường gồm 3 cụm điều khoản:

- Những điều khoản chủ yếu: là những điều khoản căn bản, nhất thiết phải có trong hợp đồng, các điều khoản này đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại của hợp đồng.
- Những điều khoản thường lệ (hay còn gọi là điều khoản đương nhiên): là những điều khoản mà nội dung của chúng đã được quy định trong các văn bản pháp luật. Những điều khoản này có thể đưa vào hợp đồng mà cũng có thể không cần đưa vào hợp đồng.
- Những điều khoản tùy nghi: là những điều khoản do các bên tự thỏa thuận với nhau khi pháp luật cho phép.

❖ Phần ký kết hợp đồng:

b) Kết cấu của một hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế:

CONTRACT No...

Date...

Between: Name:...

Address:...

Tel:... Fax:... E-mail:...

Represented by Mr ...

Hereinafter called as the **SELLER**

And: Name:...

Address:...

Tel:... Fax:... E-mail:...

Represented by Mr ...

Hereinafter called as the **BUYER**

The **SELLER** has agreed to sell and the **BUYER** has agreed to buy the commodity under the terms and conditions provided in this contract as follows:

Art. 1. Commodity:

Art. 2. Quality:

Art. 3. Quantity:

Art. 4. Price:

Art. 5. Shipment:

Art. 6. Payment:

Art. 7. Packing and marking:

Art. 8. Warranty:

Art. 9. Penalty:

Art. 10. Insurance:

Art. 11. Force majeure:

CHƯƠNG 7

Art. 12.Claim:

Art. 13.Arbitration:

Art. 14.Other terms and conditions:

For the BUYER

For the SELLER

Nội dung cơ bản của hợp đồng là những điều khoản và điều kiện mua bán mà các bên đã thỏa thuận. Để thương thảo hợp đồng được tốt, cần nắm vững các điều kiện thương mại, chỉ một sự mơ hồ hoặc thiếu chính xác nào đó trong việc vận dụng điều kiện thương mại là có thể gây tác hại cho các bên ký kết hợp đồng, dẫn đến những vụ tranh chấp, kiện tụng làm tăng thêm chi phí trong kinh doanh. Phần tiếp theo xin giới thiệu nội dung các điều khoản và điều kiện của hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế.

7.2. NỘI DUNG CÁC ĐIỀU KIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN CỦA MỘT HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HÓA QUỐC TẾ

7.2.1. Tên hàng (Commodity)

Điều khoản này phải xác định được tên gọi của hàng hóa cần mua bán một cách chính xác và ngắn gọn, không để nhầm lẫn từ thứ nọ sang thứ kia. Để làm được việc này người ta thường dùng các biện pháp sau:

- Ghi tên hàng bao gồm tên thông thường, tên thương mại, tên khoa học. Áp dụng cho các loại hóa chất, giống cây...
- Ghi tên hàng kèm theo tên địa phương sản xuất ra nó, nếu nơi đó ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm, ví dụ: Sâm Hàn Quốc, gạo Việt Nam...
- Ghi tên hàng kèm với qui cách của hàng đó, ví dụ: gạo hạt dài (6mm), thép xây dựng Ø10, chiều dài 10m (min).
- Ghi tên hàng kèm với tên nhà sản xuất ra nó. Hình thức này áp dụng đối với những sản phẩm của những hãng có uy tín.
- Ghi tên hàng kèm với công dụng của hàng. Theo cách này người ta ghi thêm công dụng chủ yếu của sản phẩm, theo

tập quán nếu hợp đồng ghi kèm theo công dụng thì người bán phải giao hàng đáp ứng được công dụng đó mặc dù giá cao...

- Ghi tên hàng kèm với mã HS của hàng đó, ví dụ: Vải chính 100% Cotton, K.54-56", mã số HS 5515190000; Ren, mã số HS 5804290000; Dây viền, ru băng, mã số HS 6217100000; Nút, mã số HS 9606210000...

Ví dụ:

Hợp đồng xuất khẩu gạo:

Commodity: Vietnamese white rice long grain, crop 2010, 10% broken.

Dịch: Gạo trắng Việt Nam hạt dài, mùa vụ 2010, 10% tấm.

Hoặc:

Hợp đồng nhập khẩu phân bón:

Commodity: UREA, Fertilizer, Nitrogen 46% min, origin Indonesia.

Dịch: phân bón UREA, N 46% min, xuất xứ Indonesia.

Hợp đồng xuất khẩu thủy sản:

Commodity: Frozen black Tiger shrimps.

Cụ thể hơn:

Commodity: Semi-IQF Raw Head-On Shell-On Black Tiger shrimps
(*Peninnues Monodon*)

Dịch: Tôm sú đen đông lạnh còn đầu còn vỏ sơ chế

(*Peninnues Monodon* – Tên khoa học của tôm sú).

7.2.2. Chất lượng (Quality)

"Chất lượng" là điều khoản nói lên mặt "Chất" của hàng hóa mua bán, qui định tính năng, qui cách, kích thước, tác dụng, công suất, hiệu suất, tiêu chuẩn chế tạo... của hàng hóa đó.

Xác định cụ thể phẩm chất của sản phẩm, là cơ sở để xác định giá cả. Do vậy: xác định điều kiện phẩm chất tốt, dẫn đến xác định giá cả tốt, đúng và mua được hàng hóa đúng yêu cầu của mình.

CHƯƠNG 7

Có nhiều phương pháp để xác định phẩm chất hàng hóa, dưới đây là một số phương pháp chủ yếu:

a) Xác định phẩm chất dựa vào mẫu hàng:

Là phương pháp đánh giá phẩm chất của lô hàng dựa vào phẩm chất của một số ít hàng hóa lấy ra làm đại diện cho lô hàng đó. Có nghĩa là phương pháp chọn mẫu.

Phương pháp này có nhược điểm là tính chính xác không cao. Nên chỉ áp dụng cho hàng hóa chưa có tiêu chuẩn hoặc khó xác định tiêu chuẩn.

Cách thức tiến hành: người bán giao mẫu cho người mua để kiểm tra, nếu người mua đồng ý thì người bán lập ba mẫu: một mẫu giao cho người mua, một cho trung gian, một người bán giữ để đối chiếu, giải quyết tranh chấp (nếu có) sau này.

Cũng có thể mẫu do người mua đưa cho người bán, trên cơ sở đó người bán sản xuất một mẫu đối và ký kết hợp đồng sẽ dựa trên mẫu đối vì có khả năng mẫu đối khác xa với mẫu do người mua đưa.

Yêu cầu:

- Mẫu được rút ra từ chính lô hàng.
- Mẫu phải có phẩm chất trung bình.

Lưu ý:

- Mẫu có tính tiền không? Thông thường không tính, chỉ tính trong trường hợp giá trị mẫu quá cao hoặc số lượng mẫu quá lớn.
- Làm cho hợp đồng và mẫu gắn với nhau.

Trên mẫu ghi: Mẫu thuộc hợp đồng số... và ngược lại trên hợp đồng ghi theo mẫu số... đã được giao bên mua hoặc do người bán gửi ngày... Mẫu là một phụ kiện không tách rời của hợp đồng.

Trên hợp đồng người ta qui định:

- Tương ứng với mẫu hàng (correspond to sample).
- Tương tự như mẫu (according to sample).

Thời gian giữ mẫu: mẫu được giữ kể từ khi đàm phán để ký hợp đồng cho đến khi hết hạn khiếu nại về phẩm chất thì có thể hủy mẫu (nếu không có tranh chấp). Còn nếu có tranh chấp, thì chỉ hủy khi tranh chấp được giải quyết xong.

b) Xác định phẩm chất dựa vào tiêu chuẩn:

Đối với những sản phẩm đã có những tiêu chuẩn thì dựa vào tiêu chuẩn để xác định phẩm chất của sản phẩm.

Lưu ý:

- Trước khi đưa vào hợp đồng cần hiểu rõ về nội dung của tiêu chuẩn (tiêu chuẩn có thể do nhà nước, ngành hoặc cơ quan sản xuất ban hành nên phải ghi rõ người, nơi, năm ban hành tiêu chuẩn).
- Có thể sửa đổi một số chỉ tiêu trong tiêu chuẩn nếu thấy cần thiết.
- Đã theo tiêu chuẩn nào thì cần ghi rõ, không nên ghi mập mờ.

Ví dụ: Tiêu chuẩn cà phê Việt Nam: TCVN 4193: 2001

c) Phương pháp xác định phẩm chất dựa vào nhãn hiệu hàng hóa (Trade – mark):

Nhãn hiệu là những ký hiệu, hình vẽ, chữ... để phân biệt hàng hóa của cơ sở sản xuất này với cơ sở sản xuất khác.

Lưu ý:

- Nhãn hiệu đã đăng ký chưa? (chỉ mua những loại sản phẩm đã được đăng ký thì sản phẩm đó mới đảm bảo về phẩm chất).
- Được đăng ký ở thị trường nào? Hãng sản xuất có đăng ký tại thị trường mua sản phẩm chưa?
- Cần ghi năm sản xuất, đợt sản xuất của sản phẩm, vì những sản phẩm được bán ở những thời điểm khác nhau, có thể có chất lượng khác nhau nên giá cả cũng khác nhau.
- Cần chú ý đến những nhãn hiệu tương tự.

CHƯƠNG 7

d) Xác định phẩm chất dựa vào tài liệu kỹ thuật:

Bảng thuyết minh, hướng dẫn vận hành, lắp ráp, catalog...

Phải biến các tài liệu kỹ thuật thành một phụ kiện của hợp đồng tức là gắn nó với hợp đồng.

e) Xác định phẩm chất dựa vào hàm lượng của một chất nào đó trong sản phẩm:

Chia làm hai loại hàm lượng của chất lượng hàng hóa:

- Hàm lượng chất có ích: qui định hàm lượng (%) min.
- Hàm lượng chất không có ích: qui định hàm lượng (%) max.

f) Xác định phẩm chất dựa vào trọng lượng riêng của hàng hóa (Natural weight):

Có nghĩa là dựa vào việc xác định trọng lượng tự nhiên của một đơn vị thể tích hàng hóa để đánh giá phẩm chất của hàng hóa đó: chỉ tiêu này phản ánh độ chắc của hàng hóa.

g) Dựa vào xem hàng trước (còn gọi là đã xem và đồng ý – Inspected and approved):

Nếu áp dụng phương pháp này thì hợp đồng đã được ký nhưng phải có người mua hàng xem hàng hóa và đồng ý, lúc đó hợp đồng mới có hiệu lực. Nếu người mua không đến xem trong thời gian qui định thì quá thời gian đó coi như đồng ý.

h) Xác định dựa vào hiện trạng của hàng hóa:

Phương pháp này ra đời ở Ý, sau lan dần qua Anh, Pháp, nó có tên gọi là As is sale hoặc arrive sale – có sao bán vậy. Trong phương pháp này người bán chỉ giao sản phẩm chứ không chịu trách nhiệm về phẩm chất của sản phẩm. Đặc điểm của phương pháp này là giá bán không cao.

i) Xác định phẩm chất dựa vào sự mô tả:

Nếu tất cả các đặc điểm về hình dạng, màu sắc, kích cỡ, công dụng... của sản phẩm. Phương pháp này áp dụng được cho mọi sản phẩm có khả năng mô tả được.

Nhưng hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc nhiều vào khả năng của người mô tả thường được sử dụng kết hợp với các phương pháp khác.

k) Dựa vào chỉ tiêu đại khái quen dùng:

Áp dụng khi mua bán nông sản, nguyên liệu mà phẩm chất của chúng khó tiêu chuẩn hóa, trên thị trường thế giới thường dùng một số tiêu chuẩn phỏng chừng như: FAQ, GMQ.

- FAQ – fair average quality – phẩm chất trung bình khá. Theo tiêu chuẩn này, người bán hàng từ một cảng nhất định phải giao hàng theo phẩm chất không thấp hơn phẩm chất bình quân của loại hàng đó vẫn thường được gửi từ cảng ấy trong một thời gian nhất định (năm, quý, vụ...).

- GMQ – good merchantable quality – phẩm chất tiêu thụ tốt. Theo tiêu chuẩn này, người bán phải giao hàng có phẩm chất bình thường được mua bán trên thị trường mà khách bình thường sau khi xem xét đầy đủ có thể chấp nhận được.

Trong thực tế, người ta có thể kết hợp được các phương pháp trên với nhau để có hiệu quả cao.

Ví dụ:

Về điều khoản chất lượng (quality) hoặc qui cách (specification).

- Hợp đồng XK gạo:

Specification:	Broken 10% Max
	Moisture 14% Max
	Chalky Grain 7% Max
	Damaged Grain 0,5% Max
	Yellow Grain 1% Max
	Foreign Matter 0,2% Max

Dịch:	Qui cách:	Tám 10% Max
		Độ ẩm 14% Max
		Hạt bạc bụng 7% Max

CHƯƠNG 7

Hạt hư 0,5% Max

Hạt vàng 1% Max

Tạp chất 0,2% Max

- Hoặc qui định của một hợp đồng khác:

Quality: Vietnamese white Rice Long grain, 5 pct broken F.A.Q (fair average quality) of season 2007/2008 crop as to grain procurable at the time of shipment and shall conform to the specification laid down in the schedule attached hereto (Schedule A) and shall be in sound condition.

- **Hợp đồng nhập khẩu phân bón:**

Specification: Nitrogen 46% Min

Moiture 0,5% Max

Biuret 1,0% Max

Color white

- **Hợp đồng xuất khẩu bàn ghế gỗ:**

Commodity, description of goods: Love set wooden furniture

- 01 table (1.150 x 610 x 840) mm
- 01 lounge armchair (1.040 x 600 x 450) mm and cushion
- 02 Love armchair (590 x 610 x 840) mm and cushion.

7.2.3. Số lượng (Quantity)

Nhằm nói lên mặt “lượng” của hàng hóa được giao dịch, điều khoản này bao gồm các vấn đề về đơn vị tính số lượng (hoặc trọng lượng) của hàng hóa, phương pháp qui định số lượng và phương pháp xác định trọng lượng.

a) Đơn vị tính số lượng:

Ở đây cần lưu ý về hệ thống đo lường, vì bên cạnh hệ mét, nhiều nước còn sử dụng những hệ thống đo lường khác. Ví dụ: hệ thống đo lường của Anh, của Mỹ... do đó để tránh hiểu lầm nên thống nhất dùng hệ mét hoặc qui định lượng tương đương của chúng tính bằng hệ mét.

Một số đơn vị đo lường thông dụng:

1 MT	= 1 metric Ton	= 1.000 kg.
1 tấn	= 2204.6 pound (Lb)	
1 pound (Lb)	= 0,454 kg	
1 gallon (dầu mỏ) Anh	= 4,546 lít	
1 gallon (dầu mỏ) Mỹ	= 3,785 lít	
1 thùng (barrel) dầu mỏ	= 159 lít	
1 thùng (Bushel) ngũ cốc	= 36 lít	
1 ounce	= 1 lạng	= 28,35 gram
1 troy ounce	= 31,1 gram	
1 Inch = 2,54 cm		1m = 39,37 inch
1 foot = 12 inches	= 0,3048 m	1m = 3,281 ft
1 mile	= 1,609 km	
1 yard = 0,9144 m		1m = 1.0936 yard

b) Phương pháp qui định số lượng:

Trong các hợp đồng ngoại thương, người ta sử dụng hai phương pháp qui định số lượng hàng hóa.

❖ Phương pháp qui định dứt khoát số lượng.

Ví dụ: 100 xe hơi, 1.000 xe gắn máy.

Thường dùng trong buôn bán hàng công nghiệp, hàng bách hóa, những loại hàng có thể đếm được nguyên con, nguyên cái, nguyên chiếc hoặc đóng trong container.

❖ Phương pháp qui định phỏng chừng.

Ví dụ: khoảng 10.000 MT gạo, xấp xỉ 5.000 MT cà phê.

Phương pháp này được dùng khi mua hàng hóa có khối lượng lớn như: phân bón, quặng, ngũ cốc...

Các từ sử dụng: Khoảng (about)

CHƯƠNG 7

Xấp xỉ (approximately)

Trên dưới (more or less)

Từ... đến... (from... to...)

Ví dụ: 1.000 MT more or less 5%.

Hoặc: from 950 MT to 1.050 MT /about 1.000 MT...

c) Phương pháp qui định trọng lượng:

- ❖ Trọng lượng cả bì (Gross weight): trọng lượng của bản thân hàng hóa cộng trọng lượng mọi thứ bao bì.

$$Gross\ weight = Net\ weight + tare.$$

- ❖ Trọng lượng tịnh (Net weight) chỉ tính trọng lượng của bản thân hàng hóa.

- ❖ Trọng lượng thương mại (Commercial weight) là trọng lượng của hàng hóa có độ ẩm tiêu chuẩn.

Qui đổi trọng lượng thực tế của hàng hóa sang trọng lượng thương mại nhờ công thức:

$$G_{tm} = G_{tt} \times \frac{100 + W_{tc}}{100 + W_{tt}}$$

Trong đó:

G_{tm} : trọng lượng thương mại của hàng hóa.

G_{tt} : trọng lượng thực tế của hàng hóa.

W_{tc} : độ ẩm tiêu chuẩn của hàng hóa (tính bằng %)

W_{tt} : độ ẩm thực tế của hàng hóa (tính bằng %).

- ❖ Trọng lượng lý thuyết (theoretical weight), xác định trọng lượng không phải bằng phương pháp cân đong, mà bằng cách tính toán nhờ công thức:

$$P = \sum_{i=1}^n V_i m_i S_i$$

Trong đó:

P: trọng lượng lý thuyết của hàng hóa.

V_i : thể tích của 1 đơn vị hàng hóa i.

m_i : trọng lượng riêng của hàng hóa i .

S_i : số lượng hàng hóa i .

n : số loại hàng hóa trong lô hàng.

Phương pháp này thích hợp cho những hàng hóa có quy cách và kích thước cố định.

Ví dụ: Quantity: 10.000 MT plus or minus 10% at Seller's option.

Hay: 10.000 MT more are less 5% at Buyer's option.

7.2.4. Giao hàng (Shipment/Delivery)

Nội dung cơ bản của điều khoản giao hàng là sự xác định thời hạn, địa điểm giao hàng, phương thức giao hàng và thông báo giao hàng.

a) Thời gian giao hàng:

Là thời hạn mà người bán phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.

Trong buôn bán quốc tế, có 3 kiểu qui định thời hạn giao hàng:

❖ Thời hạn giao hàng có định kỳ:

Xác định thời hạn giao hàng.

- Hoặc vào một ngày cố định: ví dụ : 31 – 12 – 2010.
- Hoặc một ngày được coi là ngày cuối cùng của thời hạn giao hàng: không chậm quá ngày 31 – 12 – 2010.
- Hoặc bằng một khoảng thời gian: quý 3 năm 2010.
- Hoặc bằng một khoảng thời gian nhất định tùy theo sự lựa chọn của người mua. Ví dụ: tháng 1 ký hợp đồng, thời gian giao hàng qui định từ tháng 2 đến tháng 7 tùy người mua chọn (Delivery Feb/July at Buyer's option).

❖ Thời hạn giao hàng không định kỳ:

Đây là cách qui định chung chung, ít được dùng. Theo cách này có thể thỏa thuận như sau:

- Giao hàng cho chuyến tàu đầu tiên (Shipment by first available steamer).

CHƯƠNG 7

- Giao hàng khi nào có khoang tàu (Subject to shipping space available).
- Giao hàng khi L/C được mở (Subject to the opening of L/C).
- Giao hàng khi nào xin được giấy phép xuất khẩu (Subject to export licence).

❖ Thời hạn giao hàng ngay:

- Giao nhanh (prompt).
- Giao ngay lập tức (immediately).
- Giao càng sớm càng tốt (as soon as possible).

Ở mỗi nơi giải thích các điều kiện trên một cách khác nhau. Vì vậy, UCP 500 khuyến cáo các bên không nên dùng cách qui định này.

b) Địa điểm giao hàng:

Các phương pháp qui định địa điểm giao hàng trong buôn bán quốc tế:

- Qui định rõ cảng (ga) giao hàng, cảng (ga) đến và cảng (ga) thông qua.
- Qui định một cảng (ga) và nhiều cảng (ga).
- Đối với hàng bách hóa thường quy định nhiều địa điểm gửi hàng hoặc nhiều địa điểm hàng đến.

Ví dụ: *Cảng đi:* Hải Phòng/ Đà Nẵng/ Tp. Hồ Chí Minh.

Cảng đến: London/ Liverpool.

- Qui định cảng (ga) khẳng định và cảng (ga) lựa chọn:

Trong thuật ngữ về điều kiện cơ sở giao hàng, các bên giao dịch lựa chọn thêm cảng thứ hai hoặc cảng thứ ba.

Ví dụ: FOB Hăm-Bua/ Rốt-xtec-dam.

CIF London/ Rốt-xtec-dam/ Hăm-bua.

Các bên qui định những cảng biển chủ yếu của một khu vực nào đó được coi là cảng lựa chọn đối với một trong hai bên.

Ví dụ: CIF các cảng chủ yếu châu Âu (CIF European main ports) đến khi giao hàng, bên bán có thể chỉ định bất cứ một cảng nào đó trong số cảng chủ yếu của châu Âu làm cảng hàng đến.

c) Phương thức giao hàng:

Qui định việc giao nhận được tiến hành ở một nơi nào đó là giao nhận sơ bộ hoặc là giao nhận cuối cùng.

- Giao nhận sơ bộ – bước đầu xem xét hàng hóa xác định sự phù hợp về số lượng, chất lượng hàng so với hợp đồng. Thường được tiến hành ở ngay địa điểm sản xuất hàng hóa hoặc nơi gửi hàng. Trong giao nhận sơ bộ, nếu có điều gì thì người mua yêu cầu khắc phục ngay.
- Giao nhận cuối cùng – xác nhận việc người bán hàng hoàn thành nghĩa vụ giao hàng.

Qui định việc giao nhận về số lượng và chất lượng.

- Giao nhận về số lượng – xác định số lượng thực tế hàng hóa được giao bằng các phương pháp cân, đo, đóng, đếm.
- Giao nhận về chất lượng là việc kiểm tra hàng hóa về tính năng, công dụng, hiệu suất, kích thước, hình dáng...
- Tiến hành bằng phương pháp cảm quan hoặc phương pháp phân tích.
- Có thể tiến hành kiểm tra trên toàn bộ hàng hóa hoặc chỉ kiểm tra điển hình.

d) Thông báo giao hàng:

Tùy điều kiện cơ sở giao hàng đã qui định, nhưng trong hợp đồng người ta vẫn qui định rõ thêm về lần thông báo giao hàng và những nội dung cần được thông báo.

- Thông thường trước khi giao hàng, người bán thông báo: hàng sẵn sàng để giao hoặc ngày đem hàng đến để giao. Người mua thông báo cho người bán những điều cần thiết để gửi hàng hoặc về chi tiết của phương tiện đến nhận hàng (nếu người mua thuê phương tiện).

CHƯƠNG 7

- Sau khi giao hàng: người bán phải thông báo tình hình hàng đã giao, kết quả giao hàng.

Nội dung thông báo do mục đích của chúng quyết định.

e) Một số qui định khác về việc giao hàng:

- Đối với hàng hóa có khối lượng lớn, có thể qui định cho phép:
Giao từng phần – partial shipment allowed.
Giao một lần – total shipment.
- Nếu dọc đường cần thay đổi phương tiện vận chuyển, có thể qui định: cho phép chuyển tải – transshipment allowed.
- Nếu hàng hóa có thể đến trước giấy tờ, thì qui định “vận đơn đến chậm được chấp nhận” – Stale bill of lading acceptable.

Ví dụ 1: *Hợp đồng XK gạo:*

Shipment:

- Port of loading: Hochiminh City main port.
- Time of shipment: July/ August 2010 (earliest loading on July 1, 2010). Buyer to give seller minimum 5 days preadvise of vessel arrival at load port.
- Loading condition: Seller guarantee to load at the rate of minimum 1.000 MT per weather working day (1.000 MT/4 gangs/ 4 derrick/ day) of 24 consecutive hours Saturday, Sunday and official holidays excluded unless used then time to count.
- Demurrage/despatch: USD 3.000/USD 1.500 per day.
- Loading term: when NOR (notice of readiness) tendered before noon, laytime shall be commenced from 13:00 hour on the same date. When NOR tendered afternoon, laytime shall be commenced from 8:00 hour on next date.

Ví dụ 2: *Hợp đồng NK phân bón:*

Shipment/Delivery:

- Time of shipment: not later than NOV. 15, 2010.
- Port of loading: Indonesia main port.
- Destination: Saigon port.
- Notice of shipment: within 2 days after the sailing Date of Carrying vessel to S.R. Vietnam, the Seller shall notify by cable to the Buyer the following informations: L/C number, Amount, Name and Nationality of the vessel, B/L Number/ date, port of loading, date of shipment, expected date of Arrival at discharging port.
- Discharging terms: when NOR tendered before noon, laytime shall be commenced from 13:00 on the same date. When NOR tendered afternoon, laytime shall be commenced from 8:00 on next date.
- Discharging term: 1.000 MT/day WWDSHEX EIU.
- Dem/des: USD 4.000/half.

7.2.5. Giá cả (Price)

Trong điều kiện này cần xác định: đơn vị tiền tệ của giá cả, mức giá, phương pháp qui định giá cả, giảm giá, điều kiện cơ sở giao hàng tương ứng.

a) Đồng tiền tính giá:

Giá cả của một hàng hóa là biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa đó. Nên khi ghi giá bao giờ người ta cũng phải xác định tiền tệ để biểu thị giá đó. Đồng tiền ghi giá có thể là đồng tiền của nước người bán hoặc nước người mua, cũng có thể của nước thứ ba.

b) Xác định mức giá:

Giá cả trong các hợp đồng ngoại thương là giá quốc tế.

c) Phương pháp định giá:

Thường dùng các phương pháp sau:

- ❖ Giá cố định: (fixed price) giá được khẳng định lúc ký kết hợp đồng và không thay đổi trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.

CHƯƠNG 7

- ❖ Giá qui định sau: được xác định sau khi ký hợp đồng hoặc bằng cách đàm phán, thỏa thuận trong một thời gian nào đó, hoặc bằng cách dựa vào giá thế giới ở một ngày nào đó trước khi giao hàng.
- ❖ Giá có thể xét lại: (rivesable price), giá đã được xác định trong lúc ký hợp đồng, nhưng có thể được xem xét lại nếu sau này, vào lúc giao hàng, giá thị trường của hàng hóa đó có sự biến động tới mức nhất định.
- ❖ Giá di động: (sliding scale price): là giá cả được tính toán dút khoát vào lúc thực hiện hợp đồng trên cơ sở giá cả qui định ban đầu, có đề cập tới những biến động về chi phí sản xuất trong thời kỳ thực hiện hợp đồng. Giá di động thường được vận dụng trong các giao dịch cho những mặt hàng có thời hạn chế tạo lâu dài như thiết bị toàn bộ, tàu biển, các thiết bị lớn trong công nghiệp... Trong trường hợp này, khi ký kết hợp đồng người ta qui định một giá ban đầu (basic) và qui định cơ cấu giá đó, đồng thời qui định phương pháp tính toán giá di động sẽ vận dụng.

Ngày nay, phương pháp tính giá di động được nhiều người vận dụng là phương pháp do Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên hiệp quốc đề ra trong "Điều kiện chung cung cấp thiết bị". Theo đó, giá di động được tính bằng công thức:

$$P1 = \frac{Po}{100} \left(a + b \frac{M1}{Mo} + c \frac{S1}{So} \right)$$

Trong đó:

P1: giá cuối cùng, dùng để thanh toán.

Po: giá cơ sở, được qui định khi ký kết hợp đồng.

a, b, c: cơ cấu của giá cả được tính bằng % của các yếu tố:

$$a + b + c = 100\%$$

a - Tỷ trọng của chi phí cố định (chi phí hành chính, tỷ lệ lãi cho người kinh doanh...)

b - Tỷ trọng của các chi phí về nguyên vật liệu.

c - Tỷ trọng của các chi phí về nhân công.

Mo và M1: giá của nguyên vật liệu, ở thời điểm ký kết hợp đồng và thời điểm xác định giá thanh toán.

So và S1: tiền lương hoặc chỉ số tiền lương ở thời kỳ ký kết hợp đồng và thời kỳ xác định giá thanh toán.

d) Giảm giá (discount):

Trong thực tế mua bán hiện nay, người ta sử dụng rất nhiều loại giảm giá (khoảng 20 loại giảm giá).

❖ Xét về nguyên nhân giảm giá, có các loại:

- Giảm giá do mua với số lượng lớn.
- Giảm giá thời vụ: giành cho những người mua hàng trái thời vụ, nhằm khuyến khích người mua, mua hàng vào lúc nhu cầu ít căng thẳng.
- Giảm giá do hoàn lại hàng mà trước đó đã mua.

❖ Nếu xét về cách tính toán các loại giảm giá, có các loại

- Giảm giá đơn: thường được biểu thị bằng một mức % nhất định so với giá chào hàng.
- Giảm giá kép: (còn gọi là giảm giá liên hoàn) là chuỗi liên hoàn các giảm giá đơn mà người mua được hưởng do nhiều nguyên nhân khác nhau.
- Giảm giá lũy tiến: là loại giảm giá có mức tăng dần theo số lượng hàng được mua bán trong một đợt giao dịch nhất định.
- Giảm giá tặng thưởng (bonus): là loại giảm giá mà người bán thưởng cho người mua thường xuyên, nếu trong một thời hạn nhất định (ví dụ 6 tháng, 1 năm) tổng số tiền mua hàng đạt tới một mức nhất định.

e) Điều kiện cơ sở giao hàng tương ứng:

Trong việc xác định giá cả, người ta luôn định rõ điều kiện cơ sở giao hàng có liên quan đến giá đó. Vì vậy, trong các hợp đồng mua bán, mức giá bao giờ cũng được ghi bên cạnh một điều kiện cơ sở giao hàng nhất định.

CHƯƠNG 7

Ví dụ: Hợp đồng mua bán gạo cần ghi giá:

- Unit price: USD 475/MT FOB. Saigon port Hochiminh City (Incoterms 2000).
- Total amount: 4.750.000 USD.

Chú ý:

- Hãy ghi cho chính xác và đầy đủ – theo Incoterms năm nào, nếu sơ suất chỉ ghi FOB có thể hiểu theo một định nghĩa FOB khác đi, khi làm việc với Mỹ, sẽ có thể phải chấp nhận điều kiện FOB Mỹ (*Xem lại chương 2*).
- Hãy nhớ Incoterms chỉ mang tính chất bổ sung, có nghĩa là áp dụng Incoterms khi không có qui định cụ thể của hợp đồng. Hãy đừng mắc sai sót như một hãng Pháp đã mắc: Khi ký hợp đồng, họ ghi giao hàng theo điều kiện FOB (Incoterms 1980), nhưng lại ghi thêm: rủi ro chuyển giao ở cảng dỡ hàng. Điều đó dẫn đến: người bán phải chịu rủi ro tới cảng dỡ hàng, chứ không áp dụng FOB theo Incoterms – rủi ro được chuyển ở cảng bốc hàng.

7.2.6. Thanh toán (Settlement payment)

Trong mục này của hợp đồng quy định: đồng tiền thanh toán, thời hạn trả tiền, hình thức trả tiền, các chứng từ là căn cứ để trả tiền.

a) Đồng tiền thanh toán (Currency of payment):

Việc thanh toán tiền hàng được tiến hành bằng đồng tiền của nước xuất khẩu, của nước nhập khẩu hoặc một nước thứ ba. Đôi khi trong hợp đồng còn cho quyền người nhập khẩu được thanh toán bằng các ngoại tệ khác nhau tùy theo sự lựa chọn của mình.

Đồng tiền dùng trong thanh toán hàng hóa được gọi là đồng tiền thanh toán.

Đồng tiền thanh toán có thể trùng hợp hoặc không trùng hợp với đồng tiền ghi giá. Nếu không trùng hợp thì phải qui định tỷ giá chuyển đổi.

b) Thời hạn thanh toán (Time of payment):

Có thể trả ngay, trả trước hoặc trả sau.

- **Trả ngay:** trong buôn bán quốc tế “trả ngay” có tính chất quy ước. Đó là việc trả tiền được thực hiện trong thời gian hợp lý cho phép người mua xem xét chứng từ giao hàng.
- **Trả trước:** là việc người mua cung cấp tín dụng cho người bán dưới hình thức ứng tiền hoặc ứng trước hiện vật (máy móc, nguyên vật liệu...) trả trước cũng còn có nghĩa là người mua đặt cọc hoặc cam kết thực hiện hợp đồng.
- **Trả sau:** là việc người bán cung cấp tín dụng cho người mua.

Người ta có thể áp dụng kết hợp việc trả ngay, trả trước và trả sau trong một hợp đồng.

c) Hình thức thanh toán (Methods of payment):

Có nhiều hình thức thanh toán khác nhau: L/C, Clean collection, D/A, D/P, T/T, M/T, CAD, tiền mặt, cheque... mỗi phương thức có những ưu, nhược điểm khác nhau. Cần nghiên cứu kỹ để có thể chọn được phương thức thanh toán thích hợp. (xem lại chương “Thanh toán quốc tế” phần I).

d) Bộ chứng từ thanh toán (Payment documents):

Bộ chứng từ thanh toán gồm: phương tiện thanh toán (thường là hối phiếu) và các chứng từ gửi hàng (shipping documents), cụ thể gồm:

- Hối phiếu (Bill of Exchange).
- Hóa đơn thương mại (Commercial Invoice).
- Vận đơn (Bill of lading).
- Chứng thư bảo hiểm (Insurance policy/insurance certificate) – nếu xuất nhập khẩu theo điều kiện CIF/CIP.
- Giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (Certificate of quality).

CHƯƠNG 7

- Giấy chứng nhận số lượng/ trọng lượng hàng hóa (Certificate of quantity/ weight).
- Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (Certificate of origin).
- Phiếu đóng gói hàng hóa (Packing list).
- Các chứng từ khác (Other documents).

(xem chi tiết trong chương 12 “Các chứng từ chủ yếu trong kinh doanh XNK” phần IV).

Ví dụ:

Payment:

By Irrevocable letter of credit the full amount of the contract value.

- L/C beneficiary: Truong Thanh Furniture corporation.
- L/C advising bank: Agribank (Vietnam Bank Agriculture and Rual Development)
- Bank of opening L/C: Barcelona Bank, Spain.
- Time of opening L/C: Not later than Oct. 10, 2010.
- Payment Document:

One full set of shipping document for each shipment is required as follows:

- Bill of Lading: 2/3 set of clean on board marine bill of lading made out to order of shipper and blank endorsed, marked “Freight collect”
- Signed Commercial Invoice issued by the Seller in 03 originals and 03 copies.
- Packing list in 03 originals issued by the Seller indicating net, gross weight and measurement for 01 container.
- Certificate of origin form A: Certificate of origin by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry in 01 original and 03 copies.
- Fumigation certificate: Fumigation certificate by Vietnam fumigation company in 01 original and 02 copies.

- Beneficiary's certificate: Certifying that 1/3 set original B/L and shipping documents have been sent to CFR (buyer) within 05 days after B/L date.

7.2.7. Bao bì và ký mã hiệu (Packing and Marking).

a) Bao bì:

Trong điều khoản này các bên giao dịch thường thỏa thuận với nhau về:

- Yêu cầu chất lượng bao bì.
- Phương thức cung cấp bao bì.
- Giá cả bao bì.

❖ Phương pháp qui định chất lượng bao bì:

➤ Qui định chung chung:

Chất lượng bao bì phù hợp với một phương tiện vận tải nào đó.

Ví dụ:

- Bao bì phù hợp với vận chuyển đường sắt.
- Bao bì phù hợp với vận chuyển đường biển.
- Bao bì phù hợp với vận chuyển đường hàng không.

Phương pháp này có nhược điểm là có thể dẫn đến tranh chấp vì hai bên không hiểu giống nhau.

➤ Qui định cụ thể:

- Yêu cầu vật liệu làm bao bì.
- Yêu cầu về hình thức của bao bì: Hộp (case), bao (bales), thùng (drums), cuộn (roll), bao tải (bags)...
- Yêu cầu về kích thước bao bì...
- Yêu cầu về số lớp bao bì và cách thức cấu tạo của mỗi lớp đó.
- Yêu cầu về đai nẹp bao bì...

❖ Phương pháp cung cấp bao bì:

CHƯƠNG 7

- Phương pháp phổ biến nhất: bên bán cung cấp bao bì cùng với việc giao hàng cho bên mua.
- Bên bán ứng trước bao bì để đóng gói hàng hóa, nhưng sau khi nhận hàng bên mua phải trả lại bao bì /thuê bao bì. Phương pháp này dùng với các loại bao bì có giá trị cao hơn giá hàng/bao bì chuyên dùng (container).
- Bên mua gửi bao bì đến trước để đóng gói: phương pháp này áp dụng khi bao bì khan hiếm và thị trường thuộc về người bán.

❖ Phương pháp xác định giá cả bao bì:

- Được tính như giá hàng.

Cả bì coi như tịnh: $Gross = net + tare = \text{gross weight for net}$.

- Được tính vào giá hàng (Packing charges included).

- Bao bì được tính riêng.

Tính theo lượng chi thực tế hoặc tính theo phần trăm so với giá hàng.

b) Ký mã hiệu:

Là những ký hiệu, hàng chữ hướng dẫn sự giao nhận, vận chuyển, bảo quản hàng hóa.

Yêu cầu của ký mã hiệu:

- Được viết bằng sơn hoặc mực không phai, không nhòe.
- Phải dễ đọc, dễ thấy.
- Có kích thước lớn hơn hoặc bằng 2 cm.
- Không làm ảnh hưởng đến phẩm chất hàng hóa.
- Phải dùng màu đen hoặc tím đối với hàng hóa thông thường, màu đỏ đối với hàng hóa nguy hiểm, màu cam đối với hàng hóa độc hại – bề mặt viết ký mã hiệu phải bảo nhẵn.
- Phải viết theo thứ tự nhất định.
- Ký mã hiệu phải được kẻ ít nhất trên hai mặt giáp nhau.

Ví dụ 1: ***Qui định chung chung:***

Packing: Export standard with can withstand with Sea transportation.

Ví dụ 2: **Đóng gói cà phê:**

Packing: In about 60 kg Net/ 60,7 kgs gross, 300 bags per container.

Hoặc kỹ hơn:

Packing: 60 kgs net, 0.65 kgs tare. New uniform jute bags required for the whole lot, to be closed by jute yarn or cotton yarn. Weight for payment is the net shipping weight, 0.5% franchise.

7.2.8. Bảo hành (Warranty)

Trong điều khoản này, cần phải thể hiện được hai yếu tố:

- ❖ Thời gian bảo hành: cần phải qui định hết sức rõ ràng.
- ❖ Nội dung bảo hành: có nghĩa là người bán hàng cam kết: trong thời hạn bảo hành hàng hóa sẽ đảm bảo các tiêu chuẩn chất lượng, đặc điểm kỹ thuật, phù hợp với qui định của hợp đồng, với điều kiện người mua phải nghiêm chỉnh thi hành sự hướng dẫn của người bán về sử dụng và bảo dưỡng. Nếu trong giai đoạn đó, người mua phát hiện thấy khuyết tật của hàng hóa, thì người bán phải sửa chữa miễn phí hoặc giao hàng thay thế.

Chú ý: đừng nhầm lẫn điều khoản bảo hành và hợp đồng duy trì bảo dưỡng. Hợp đồng này bắt đầu có hiệu lực khi bảo hành thông thường kết thúc.

Ví dụ: **Điều khoản bảo hành thiết bị tin học:**

“Thiết bị của chúng tôi được bảo hành trước mọi khuyết tật về chế tạo, thời hạn 1 năm kể từ ngày giao hàng. Ngoại trừ mọi hư hỏng do nguyên nhân hao mòn trong sử dụng thông thường, biến chất hay tai nạn do bất khả kháng, sơ ý, lỗi trong giám sát, bảo dưỡng hay sử dụng sai qui trình”. Về mặt này, sử dụng như dưới đây được coi là sử dụng sai: sử dụng không tuân theo điều kiện hướng dẫn trong mỗi đơn hàng, hay nếu không có qui định trong đơn hàng thì theo điều kiện ghi trong các chứng từ, bản vẽ, qui định giao hàng cùng với thiết bị cho khách. Bảo hành chỉ giới hạn chặt chẽ

CHƯƠNG 7

về việc thay thế thuần túy các chi tiết được xác định là kém phẩm chất, không có bồi thường nào khác, với điều kiện ghi rõ là hàng được gửi đã trả chi phí tới cho chúng tôi kèm theo bao bì của các chi tiết hư hỏng.

Thay thế một chi tiết không dẫn đến việc kéo dài hay tính lại thời hạn bảo hành đó bắt đầu từ ngày giao hàng. Địa điểm bảo hành: “Tại nhà máy và các đại lý của người bán – có địa chỉ kèm theo. Chi phí đi lại của kỹ thuật viên (nếu có) trong thời hạn bảo hành do khách hàng chịu”.

7.2.9. Phạt và bồi thường thiệt hại (Penalty)

Điều khoản này qui định những biện pháp khi hợp đồng không được thực hiện (toàn bộ hay một phần) do nguyên nhân chủ quan gây ra. Điều khoản này cùng lúc nhằm hai mục tiêu:

- Làm cho đối phương nhứt ý định không thực hiện hay thực hiện không tốt hợp đồng.
- Xác định số tiền phải trả nhằm bồi thường thiệt hại gây ra mà không phải yêu cầu tòa xét xử.

Các trường hợp phạt:

- Phạt chậm giao hàng:

Ví dụ: nếu người bán giao hàng chậm thì các khoản phạt sẽ áp dụng như sau: tuần đầu chậm giao, không tính phạt; từ tuần thứ hai đến tuần thứ năm 1%/tuần giao chậm; từ tuần thứ sáu: 2%/tuần, nhưng tổng số tiền phạt giao chậm không quá 10% tổng giá trị hàng giao chậm.

Một ví dụ khác: “Trường hợp hàng giao chậm quá 30 ngày, hợp đồng này được hủy bỏ hoàn toàn hợp pháp, bên bán sẽ phải trả cho bên mua tiền bồi thường thiệt hại là 5% tổng giá trị hợp đồng”.

- ❖ Phạt giao hàng không phù hợp về số lượng và chất lượng:

Các biện pháp giải quyết:

- Hủy ngay đơn hàng, không thanh toán tiền bồi thường.
- Yêu cầu thay thế ngay lô hàng bị từ chối.

- Yêu cầu nhà cung cấp giao hàng khác thay thế lô hàng, chi phí do nhà cung cấp vi phạm chịu.

Các biện pháp trên được áp dụng kèm theo tỷ lệ tiền phạt.

- ❖ Phạt do chậm thanh toán.
- Phạt một tỷ lệ phần trăm của số tiền đến thời hạn thanh toán, tính theo thời hạn chậm thanh toán. Ví dụ: 2% của số tiền chậm thanh toán/tháng.
- Phân bổ lãi suất chậm thanh toán, thường vận dụng tỷ lệ chiết khấu chính thức hay lãi suất hợp pháp được công bố hay lãi suất vay quá hạn của các ngân hàng, có lúc còn cộng thêm vài %, ví dụ: “Trường hợp chậm thanh toán, kể từ ngày đến hạn, số tiền chưa trả được tính lãi. Lãi suất tính theo lãi suất quá hạn của các ngân hàng cộng thêm 2%).

7.2.10. Bảo hiểm (Insurance)

Trong điều khoản này cần thỏa thuận ai là người mua bảo hiểm, điều kiện bảo hiểm cần mua và loại chứng thư bảo hiểm cần lấy.

7.2.11. Bất khả kháng (Force majeure) hoặc còn có tên là “Acts Of God” – Hành vi Thượng Đế

Bất khả kháng là sự kiện khi xảy ra làm cho hợp đồng trở thành không thể thực hiện được, mà không ai bị coi là chịu trách nhiệm. Các sự kiện bất khả kháng mang ba đặc điểm sau:

- Không thể lường trước được.
- Không thể vượt qua.
- Xảy ra từ bên ngoài (do khách quan gây ra).

Tuy nhiên, vẫn có thể qui định trong hợp đồng coi là bất khả kháng các sự kiện mà bình thường thì không có đủ ba đặc điểm trên, ví dụ: đình công, hỏng máy, mất điện, chậm được cung cấp vật tư... cũng có thể qui định thêm rằng: các sự kiện đó chỉ tạm ngưng việc thực hiện hợp đồng chứ không làm hợp đồng mất hiệu lực.

Điều khoản bất khả kháng gồm ba tiểu khoản sau:

CHƯƠNG 7

- Các sự kiện tạo nên bất khả kháng.
- Thủ tục ghi nhận sự kiện.
- Hệ quả của bất khả kháng.

Ví dụ: **Force Majeure:**

Force Majeure shall be understood to be unforeseeable and unavoidable event beyond the control of both the contracting parties, which in fact, causes difficulties directly preventing the performance of the contractual obligation. Force Majeure circumstances must be notified by cable by each party to the other within 7 days and confirmed by writing within 10 days from the cable together with a certificate of Force Majeure issued by the Chamber of Commerce concerned. Beyond this time Force Majeure circumstances shall not be taken into consideration.

7.2.12. Khiếu nại (Claim)

Khiếu nại là các đề nghị, do một bên đưa ra đối với bên kia do số lượng, chất lượng giao hàng hoặc một số vấn đề khác không phù hợp với các điều khoản đã được quy định trong hợp đồng.

Trong điều khoản này các bên quy định trình tự tiến hành khiếu nại, thời hạn có thể nộp đơn khiếu nại, quyền hạn và nghĩa vụ của các bên liên quan đến việc phát đơn khiếu nại, các phương pháp điều chỉnh khiếu nại.

Khiếu nại được đưa ra dưới dạng văn bản và gồm các dữ liệu sau: Tên hàng, số lượng và xuất xứ hàng hóa, cơ sở để khiếu nại kèm theo chỉ dẫn chính về những thiếu sót mà đơn khiếu nại được phát ra, các yêu cầu về điều chỉnh khiếu nại.

Đơn khiếu nại được gửi kèm theo các chứng từ cần thiết như: Biên bản giám định, biên bản chứng nhận tổn thất mất mát, vận đơn đường biển, bản liệt kê chi tiết, giấy chứng nhận chất lượng...

7.2.13. Trọng tài (Arbitration)

Trong điều khoản này cần quy định các nội dung sau:

QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

❖ Ai là người đứng ra phân xử (tòa án Quốc Gia hay tòa án trọng tài, trọng tài nào, thành lập ra sao?) để giải quyết tranh chấp giữa các bên giao dịch, khi những tranh chấp này không thể giải quyết bằng con đường thương lượng.

❖ Luật áp dụng vào việc xét xử.

❖ Địa điểm tiến hành trọng tài.

❖ Cam kết chấp hành tài quyết.

❖ Phân định chi phí trọng tài...

Trong các nội dung kể trên thì 2 vấn đề trọng yếu là: chọn trọng tài và chọn luật.

(Xem chi tiết chương 13, Giáo trình Quản trị Xuất Nhập khẩu).

Ví dụ:

Arbitration:

When realizing this contract, if any dispute is unable to be agreed on the negotiation between both sides, it will be brought to the Vietnam International Arbitration Center beside the Chamber of Commerce and Industry in Hanoi to solve according to the international commercial law and this is final and binding.

(Tham khảo Mục 2, Chương 2, Luật Thương mại Việt Nam: Quyền và nghĩa vụ của các bên trong hợp đồng mua bán hàng).

7.3. MỘT SỐ HỢP ĐỒNG ĐỂ SINH VIÊN THAM KHẢO

7.3.1. Hợp đồng xuất khẩu gạo:

PURCHASE CONTRACT NO.16010440

DATED 28 FEBRUARY 2006

This **Contract** is made on this date of 28th February 2006 by and between:

SELLER

CHƯƠNG 7

FOOD COMPANY OF HOCHIMINH CITY

57 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 1,
Hochiminh City Viet Nam.

Tel: (+84 8)...

Fax: (+84 8) ...

BUYER

TOEPFER INTERNATIONAL-ASIA PTE. LTD.

100 Beach Road #31-01 Shaw Tower

Singapore 189702

Tel: (+65).....

Fax: (+65)

In witness hereof, the Seller and the Buyer agree to conform to the following terms and conditions:

COMMODITY

**VIETNAMESE WHITE RICE LONG GRAIN 5 PCT BROKEN
MAXIMUM**

SPECIFICATION

1. Broken (basis $\frac{3}{4}$)	max:	5%
2. Chalky kernels (basis $\frac{3}{4}$)	max:	6%
3. Yellow kernels	max:	0.5%
4. Damaged kernels:	max:	0.75%
5. Immature kernels		nil
6. Red and red streaked kernels	max:	0.75%
7. Foreign matter	max:	0.1%
8. Glutinous rice	max:	0.5%
9. Moisture	max:	14%
10. Paddy (grains per 1kg)	max:	15 grains
11. Average length of the whole grain		6.2 mm
12. Milling degree well milled and double polished		

Qualitative requirements must be fulfilled:

- a. Crop 2006
- b. Smell: normal, without musty and mouldy (free from foreign odour or odour which indicates deterioration)
- c. The rice quality shall not be inferior in grain and colour.
- d. Rice shall be in good condition, free from live insects and free from visible moulds.
- e. Rice shall be free from GMO

The Seller must submit before loading 3 sets of 1-kg samples which will be used as reference in case of any dispute in quality for the items not mentioned above such as shape, colour, taste. The said samples should be sealed, signed and stamped by buyer's representative after being approved by them. One of the samples will be retained by the seller, one by the buyer and one by the inspection company.

ORIGIN VIETNAM

QUANTITY

5,000 metric tons more or less 10 pct at Buyer's option at contract price. Seller guarantees the quota/export license in accordance with the quantity nominated by Buyer.

PACKING

In new single PP woven bags (tare weight of minimum 150 grams per bag) of 50 kgs net each. The bags must have double threads machine sewing at both ends suitable for rough handling and sea transportation. The stitches must be double sewn at the mouth of bags. This polypropylene bags used are new, clean, strong odourless and not in anyway render the grain harmful for human edible purpose. Seller to provide Buyer with 2 pct empty bags on the shipment free of charge.

MARKING

As per Buyer's requirement to be advised by separate fax at least 10 days before vessel's ETA at lead port.

CHƯƠNG 7

SHIPMENT

April 2006, Provided the vessel is presented at loading port in readiness to load cargo within the shipment period, Seller shall complete loading with and/or after the shipment period and carrying charges shall not apply Partial shipment/combined shipment allowed at Buyer's option and arrangement.

PRICE

USD 247.-/MT net shipped weight FOB Stowed and Trimmed Hochiminh City port, Vietnam:

- Dunnage (bamboo mat/sticks, kraft paper), if any, to be at Owner's/Buyer's order and account.
- Shore tally to be at Seller's arrangement and account
- Showing and trimming at Seller's account must be effected to Master's/Buyer's satisfaction
- Lighterage, if any, at loadport for Seller's account.
- Shipment on deck is not allowed

WEIGHT AND QUALITY

Weight, quality and condition of cargo shall be final at load port as per inspection by SGS or a first class independent surveyor at Buyer's option. All costs for inspection to be for Seller's account. Buyer's representative has the right to inspect cargo at the mills/warehouses/port with the right of rejection on any uncontractual part of cargo with the consent of appointed surveyor. The cargo must be replaced at Seller's expense and time. However, Seller shall coordinate closely with the appointed surveyor to have cargo thoroughly inspected at the mills and/or warehouse and to ensure only contractual cargo is loaded on barges to the port. This aims at avoiding possible problems of cargo rejected by buyer's/receiver's representative alongside ship and incurring expenses (re-processing/bagging/transportation fess and vessel waiting time, demurrage, etc.) which shall be for Seller's account.

The use of hand hooks during handling/loading is strictly prohibited; otherwise Buyer's representative shall have the right to stop the loading and time will count as laytime.

FUMIGATION.

To be effected on board of vessel after completion of loading (by methyl bromide) with risk and expense to be for Seller's account. Expenses for crew on shore during fumigation time, if any, for Owner's/Buyer's account. Maximum 24 hours of fumigation not to count as laytime.

PAYMENT

By irrevocable L/C to be opened from a first-class bank in Singapore latest by 28 March 2006 and advised to Seller's nominated bank. L/C is payable at sight for 100 per cent of invoice value against presentation of following shipping documents:

A. Signed commercial invoice

B. Certificate issued and signed by Buyer's representative, acknowledging receipt of the original documents plus copies of documents listed below:

1. Full set (3/3) of original clean on board Bill of Lading made out to order, blank endorsed and marked 'Freight Prepaid' plus 06 non-negotiable copies

2. Certificate of Weight issued by SGS or independent surveyor

3. Certificate of Quality issued by SGS or independent surveyor

4. Certificate of vessel's holds/hatches cleanliness issued by SGS or independent surveyor.

5. Certificate of Origin issued by Vietnam Chamber of Commerce and Industry.

6. Fumigation certificate issued by Vietnam Fumigation Company of Ministry of Agriculture and Rural Development or by independent surveyor at Buyer's option.

CHƯƠNG 7

7. Phytosanitary certificate issued by Plant Protection Department of Ministry of Agriculture and Rural Development.

8. Non GMO certificate issued by independent surveyor.

9. Radiation certificate issued by independent surveyor or competent authority

10. Health certificate issued by independent surveyor or competent authority

11. Packing List

12. Tally report issued by SGS or independent surveyor

13. Copy of fax advising Buyer of shipment particulars within 01 working day after completion of loading.

Other documents, if any, as per L/C requirement & amendment.

C. Copy of documents listed in items (1) to (13)

Third party documents and Charter Party B/L acceptable. All banking charges inside Vietnam are or Seller's account. All banking charges outside Vietnam are for Buyer's account.

LOADRATE

1,500 MT per WWD SHEX EIU basis 04 workable cranes/derricks/hooks or pro-rata

DEMURRAGE/DESPATCH

Demurrage/dispatch rate as per governing Charter Party to be advised to Seller upon nomination or vessel or latest before vessel's arrival at loadport. Demurrage/dispatch money to be settled directly between Buyer and Seller within 21 days after submission of supporting documents.

NOTICE

Ship's master/owner/agents will advise vessel's ETA and her particulars to Seller 3 days/2 days/1 day before vessel's estimated arrival at loading port. Seller shall plan cargo arrival at loadport according to vessel's schedule. Buyer shall not be responsible for

barges demurrage and/or carrying charges and/or cargo quality deterioration, if any should Seller's cargo wait for the vessel.

BERTH/ISPS

Buyer shall nominate seaworthy suitable for rice in bags within draft restriction of loadport. Seller undertakes to provide a suitable and safe berth/buoy for loading of Buyer's vessel at Hochiminh City port where Buyer's vessel may proceed to, lie and depart therefrom, always safely afloat. Seller warrants that the designated loading berth/anchorage is safe and facility is ISPS certified and all costs/damages resulting from non-compliance (facility/berth not ISPS certified) will be for account of Seller.

LAYTIME

In case N.O.R is tendered before noon time on a working day, laytime commence to count the same day at 13:00 hrs. In case N.O.R is tendered after 13:00 hrs, laytime to commence the next working day at 08:00 hrs. N.O.R can be tendered by cable/telex/fax by ship's master/owners/agents WIBON, WIPON, WIFPON and/or WICCON, even in case of port congestion. Time from 12:00 hrs on Saturday to 07:00 hrs on Monday not to count as laytime. Time used during holds survey not to count as laytime. If vessel is declared unclean by independent surveyor, time lost in cleaning vessel holds/hatches until she is confirmed clean by surveyor not to count as laytime. Pro-rata will be applied if a number of holds only need cleaning.

EXPORT QUOTA/LICENCE

Seller shall obtain the relative export permission, quota and/or license in accordance with the shipping program including but not restricted to quota's quantity and validity. The issuance and/or extension of quota/export license once the vessel is nominated within contractual shipment and the resulting costs and consequences shall be for Seller's risk and account. Failure, if any, in obtaining the license shall not be considered as ground for force majeure.

CHƯƠNG 7

DUTIES AND TAXES

All export duties, customs duty or charges of whatsoever nature directly applicable to the export of this cargo shall be for Seller's account except freight tax which is on Buyer's account.

INSURANCE

To be covered by end buyers.

TITLE AND RISK

Seller shall deliver the cargo on vessel nominated by Buyer/shipping agency. Title and risk of loss of cargo sold hereunder shall be passed from Seller on to Buyer as the cargo passes the ship's rail.

FORCE MAJEURE

As per GAFTA 120

ARBITRATION

As per GAFTA 125

GOVERNING TERMS

This contract states all of the governing terms and conditions to between Buyer and Seller. There can be no amendment, alteration or deletion without the express written consent of Buyer and Seller. Both sides guarantee that there will be no request for price revision, delay of shipment or whatsoever change to the contract terms and conditions. All other terms, if not conflicting with the above, are as per GAFTA 120.

SPECIAL CONDITIONS

Should Seller fail to deliver the cargo on the vessel nominated by Buyer within the shipment period due to whatsoever reasons, Seller undertakes to pay to Buyer a penalty of 100% of contractual value plus deadfreight.

Should there's any short delivered quantity on Buyer's nominated vessel within the shipment period due to whatsoever reasons, Seller undertakes to pay to Buyer a penalty of 100% of value of the

QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

short delivered quantity at contracted price plus deadfreight and arising costs. This penalty shall be automatically deducted from L/C proceeds upon payment.

Seller shall confirm acceptance by signing/stamping on this Contract and fax it back to Buyer latest 2 March 2008 for record purpose.

Documents by fax/e-mail by attachment are deemed as original and legally admissible.

BUYER

SELLER

TOEPFER

FOOD COMPANY

INTERNATIONAL-ASIA PTE. LTD

OF HOCHIMINH CITY

ANNEX NO.1

TO VIETNAMESE RICE CONTRACT NO. 16010440

DATED 28 FEBRUARY 2006

On this date of 2nd March 2006, it is manually agreed by and between:

SELLER

FOOD COMPANY OF HO CHI MINH CITY

57 Nguyen Thi Minh Khai Street, District 1,

Ho Chi Minh City, Vietnam

BUYER

TOEPFER INTERNATIONAL – ASIA PTE. LTD.

100 Beach Road, #31-01 Shaw Tower

Singapore 189702

Upon the following amendments to the above-mentioned contract:

COMMODITY:

CHƯƠNG 7

VIETNAMESE WHITE LONG GRAIN WELL MILED RICE IN BAGS.

SPECIFICATION:

Fit for human consumption at final destination (discharge ports) and are consumed in the country of origin

Moisture – up to 14% maximum (up to 15% allowed with penalty 1=1 basis of contract price)

Broken kernels – up to 5% maximum

Whiteness – no less than 40 degree maximum

Red & damaged kernels – up to 1.5% maximum

Chalky kernels – no more than 4% preferred, but up to 6% maximum allowed, with a 1:1 discount to be deducted from the price for every percentage above 4% chalky kernels proposed

Paddy kernels – up to 0.1% maximum

Yellow kernels – up to 0.5% maximum

Foreign matter – up to 0.1% maximum

Pesticide residues to be within international limit

Heavy metals (mercury, lead and cadmium) according to the international limits

Free of any abnormal odor that indicates any damage to the rice

Not modified genetically (non GMO)

Free from dioxin and radiation

New crop (2005/06) free of live insects and the larvae

Mycotoxin (Aflatoxin) – up to 5 ppb maximum

The Seller must submit before loading 3 sets of 1-kg samples which will be used as reference in case of any dispute in quality for the items not mentioned above such as shape, color, taste. The said samples should be sealed, signed and stamped by buyers' representative after being approved by them. One of the samples will be retained by the seller, one by the buyer and one by the inspection company.

METHOD OF ANALYSIS:

The standard method of analysis is to be based on ISO 7301 (details obtainable from internet under "International Standards Organization") or a recognized equivalent to the satisfaction of the Grain Board.

PRICE:

USD253.-/MT net shipped weight FOB Stowed and Trimmed Ho Chi Minh City port, Vietnam

FORCE MAJEURE:

As per GAFTA 120

Since this rice is intended for Iraq and there is a force majeure risk involved with this contract, both sides have agreed if buyer does not get the L/C from the end buyers, then buyer will be forced to declare force majeure case for this contract. Under such case, Buyer shall not be liable for failure or delay in performance of their responsibilities.

All other terms and conditions remain unchanged.

This Annex is an integral part of Contract No. 16010440 dated 28 February 2006

Seller shall confirm acceptance by signing/stamping on this annex and fax it back to Buyer latest 2 March 2006 for record purpose

Documents by fax/e-mail by attachment are deemed as original and admissible.

BUYER

SELLER

**TOEPFER INTERNATIONAL
-ASIA PTE. LTD.**

**FOOD COMPANY OF
HO CHI MINH CITY**

7.3.2. Hợp đồng nhập khẩu phân bón:

CONTRACT

No:...

Date:...

Buyer:

Hereinafter referred to as "Buyer".

Seller:

Hereinafter referred to as "Seller".

Both Seller and Buyer have concluded this Contract on the terms and conditions set forth hereunder.

1. Commodity:

Granulated Chemical Fertilizer NPK (16-16-8-13S) in Bags.

2. Specification:

- Nitrogen 16.0 Percent Min.
- Available P_2O_5 16.0 Percent Min.
- Water Soluble P_2O_5 13.6 Percent Min.
- Available K_2O 8.0 Percent Min.
- Sulfur 13.0 Percent Min.
- Moisture 2.0 Percent Max.
- Granular, dry, free flowing.
- Free from harmful substances

3. Origin:

Philippines

4. Manufacturer:

Philippines Phosphate Fertilizer Company (PHIPHOS)

5. Quantity:

5,000 Metric tons more or less 5 percent at Seller's option.

6. Price:

US\$ 263.50 (United States Dollars Two Hundred Sixty Three and Cents Fifty only) per Metric ton CFR Free Out one safe berth of HCMC Port, Vietnam.

7. Total Amount:

US\$ 1,317,500.00 (Say: United States Dollars One Million Three Hundred Seventeen Thousand and Five Hundred +/- 5%).

8. Shipment:

Not later than Oct. 15th, 2006.

9. Loading port:

Isabel, Leyte, Philippines

10. Discharging port:

One safe berth, one safe port of HCMC Port, Vietnam.

11. Marking:

Philphos neutral export standard marking.

12. Packing:

In new white 50 kgs net PP woven outer bag plus PE inner liner bag, 2 percent empty printing spare bags to be supplied free of charge.

13. Payment:

To be effected in US dollar by an irrevocable Letter of Credit payable 100% of invoice value at sight against presentation of Seller's shipping documents listed below, to be opened not later than Sep.17th, 2006 through Eastern Asia Commercial Bank or VietcomBank or Vietnam bank of Agriculture in favour of Dong – A Pharmaceutical Co., Ltd. L/C to be advised through Standard Chartered Bank, Seoul, Korea. All shipping documents shall be in triplicate otherwise stated:

- Signed Commercial Invoice.
- Packing List.

CHƯƠNG 7

- Original clean on board ocean Bill of Lading made out to order of L/C opening Bank, marked "freight prepaid" and notify the applicant or its nominee.
- Certificate of origin issued by Philippines Customs.
- Certificate of quality and quantity issued by the international independent surveyor.
- Certificate of hold and hatch cleanliness issued by the international independent surveyor.
- Beneficiary's certificate certifying that one full set of non-negotiable shipping documents have been sent directly to applicant's HCMC branch office within five (05) days.
- Working days from B/L date by express courier whose receipt must be presented for negotiation.
- Copy of fax advising applicant of full shipment particular within three (03) working days from B/L date; the name of carrying vessel, name of commodity, shipped quantity, B/L date and number, ETA at discharging port, invoice value and L/C number and also fax the same to opening bank.

Remark: One full set of signed shipping documents should be fax to Buyer within three (03) working days from B/L date for Buyer's care of import formalities before vessel arrival.

14. Terms and conditions Letter of Credit:

- L/C amount and quantity 5 percent more or less.
- Charter Party B/L and third party document to be acceptable.
- Partial shipment and transshipment to be not allowed.
- Shipping documents to be presented within 21 days from B/L date, but within L/C validity.
- All banking charges at opening bank for Buyer's account.
- All banking charges outside Vietnam for Seller's/ Beneficiary's account.

- L/C amendment charges will be at faulty party's account.
- L/C to be freely negotiable at any bank.
- In case L/C opening will be delayed, shipment may be delayed.

15. Title and risk:

Title and risk of the goods shall pass from Seller to Buyer as the goods pass over the vessel's rail at the time of loading.

16. Discharging terms and conditions:

- Seller or their agent shall inform Buyer of vessel nomination stating main particular of the vessel and Buyer shall confirm acceptance of vessel nomination to Seller within 24 hours from moment of receipt of Seller's vessel nomination.
- Seller shall warrant that carrying conveyance must be fully covered for P&I risks with an International Group (or equivalent) P&I club.
- Buyer to guarantee discharge rate of 1,000 MT per Weather Working Day of 24 consecutive hours, Sunday and Holiday Excluded Even If Used, on the basis of four(04) workable derricks available in good order or pro-rata.
- Notice of Readiness (NOR) to be tendered on arrival of vessel at sea pilot station or anchorage, whether in berth or not (WIBON), whether in free particle or not (WIFPON), whether in port or not (WIPON), whether custom cleared or not (WCCON).
- Laytime to be commenced either at 13:00 hours of the same working days, if NOR is tendered during 08:00 – 12:00 hours, and at 08:00 hours of the following working day, if NOR is tendered during afternoon office hours.
- Shifting time for the vessel from pilot station to the first berth or anchorage is not to count as laytime. All other subsequent shifting(s) and waiting time to be for Buyer's account and time used to count as laytime.

CHƯƠNG 7

- The time of any break on discharging due to bad weather condition shall be excluded from laytime.
- Demurrage/ dispatch rate to be determined as per the governing charter party.
- Demurrage/ dispatch money, if any to be settled between Seller and Buyer at the demurrage/ dispatch rate per day and pro-rata all time lost/ laytime saved in accordance with the Time Sheet and/ or the Statement of Facts signed by the master of the vessel or a person authorized by the master which is to be made within 15 days after completion of discharging.
- Any lighter at discharging port shall be at Buyer's accounts. The time used for lighter age to account as laytime.

17. Insurance:

Insurance to be for Buyer's responsibility and account. Vessel up to 25 years age acceptable, but OAP, if any, is for Seller's account on the basis of presentation of official debit note and evidence by Buyer and shall be calculated at international standard OAP scale as follows:

- Vessel from 16 years old up to 20 years old: 0.185 percent.
- Vessel from 21 years old to up 25 years old: 0.375 percent.

18. Determination of quality and quantity:

International independent surveyor's inspection and certificate of quality and quantity at loading port arranged and borne by Seller to be taken as final and binding on both parties.

19. Force Majeure:

- Neither party shall be held responsible for the delay or failure of performance of obligation in this Contract when such delay or failure is caused by strikes, flood, acts of God, earthquake, or any laws, rules or regulations of any governmental authority or other conditions beyond its control which cannot be forecast or provided

against and the party subject to such obligations has exhausted alternative means of performing the obligation in question.

- The party wishing to claim for relief by reason of any said circumstances shall notify the other party in writing of this intervention and of cessation and deliver certificate issued by the Chamber of Commerce at the place where the accident occurred as evidence thereof. If the event of delay by such force majeure exceeds sixty(60) days, each party shall have the right to cancel this Contract, unless otherwise agreed in such case neither party shall have the right to claim eventual damages.

20. Claim:

All claim by Buyer shall be informed by telex or cable immediately after cargo completely received at destination port and be confirmed in writing delivered to the Seller within 30 days after such discharge (for claim of any kind of latent defects respectively) together with survey report of international well-known surveyor.

21. Arbitration:

- Any dispute arising under or relating to this Contract, or the breach thereof, which can not be settled amicably between both parties shall be referred to the Vietnam International Arbitration Center beside the Chamber of Commerce and Industry in HCMC under the Rules of Conciliation and Arbitration of International Chamber of Commerce, whose award shall be final and binding on both parties, it should be transferred to the International Arbitrating Committee in Singapore.

- The fees for arbitration and/or any other charges, if any, shall be borne by the losing party unless otherwise awarded.

22. Other terms and conditions:

- Seller shall take necessary measures to obtain an export licence and Buyer shall take necessary measures to obtain an import licence.

CHƯƠNG 7

- All permits, port duties, taxes, royalties and other charge of any nature on the cargo imposed or assessed by the country of discharging are for Buyer's account.
- After signing this Contract, all previous negotiations and correspondences pertaining to the subject matter shall be null and void.
- All amendments and supplements to this Contract shall be effective only if they are made in writing and signed by the authorized representative of both parties.

23. Incoterms:

This Contract is subject to interpretation in accordance with the International Commercial Terms (INCOTERMS 2000) edition and as amended to apply.

This Contract comes into effect from the signing date and is made into four (04) originals and each party keep two (02) originals. Hard copy by fax also comes into same effect as original subject to both parties' agreement.

For and on behalf of Buyer

For and on behalf of Seller

TÓM TẮT CHƯƠNG 7

1. **Hợp đồng có vai trò rất quan trọng trong hoạt động xuất nhập khẩu, nói riêng, trong cuộc sống xã hội hiện đại, nói chung.**
2. **Hợp đồng xuất nhập khẩu là sự thỏa thuận đạt được giữa các bên Mua - Bán ở các nước khác nhau, trong đó qui định rõ quyền lợi và nghĩa vụ của các bên. Nghĩa vụ chủ yếu của bên bán là giao hàng đúng tên gọi, chất lượng, số lượng, thời hạn; Đồng thời phải giao mọi chứng từ liên quan đến hàng hóa. Nghĩa vụ chủ yếu của bên mua là tiếp nhận hàng hóa theo đúng thời hạn đã qui định trong hợp đồng; Đồng thời thanh toán tiền hàng đủ và đúng thời hạn. Các bên mua bán có quyền lợi và nghĩa vụ ngang bằng nhau, nghĩa vụ của bên bán là quyền lợi của bên mua và ngược lại.**
3. **Các điều khoản chủ yếu của hợp đồng xuất nhập khẩu là: Tên hàng; Chất lượng; Số lượng; Giao hàng; Giá cả; Thanh toán. Ngoài ra trong hợp đồng còn có các điều kiện và điều khoản khác như: Bao bì và ký mã hiệu; Bảo hành; Phạt; Bảo hiểm; Bất khả kháng; Khiếu nại; Trọng tài...**

BÀI TẬP CHƯƠNG 7

1. Hãy đọc Hợp đồng gạo No 16010440 (*mục 7.3.1*), đứng trên cương vị nhà xuất khẩu Việt Nam, hãy nhận xét hợp đồng xuất khẩu gạo nêu trên, chỉ ra những sai sót, bất lợi cho phía Việt Nam và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng Xuất khẩu gạo hoàn chỉnh bằng tiếng Anh
2. Trên cương vị nhà xuất khẩu Việt Nam, hãy phân tích, nhận xét hợp đồng xuất khẩu gạo dưới đây, chỉ ra những sai sót, bất lợi và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng xuất khẩu gạo hoàn chỉnh bằng tiếng Anh.

SALE CONTRACT

Contract No: RWSC09092201

Date: 22 September 2009

The Seller: REAL WORLD JSC

Hoang Dieu Str., Dist.4, Ho Chi Minh City, Vietnam.

Tel: 84.8.62615872

Fax: 84.8.62615882

Acc No: (USD) 30524189 at ACB- Khanh Hoi Branch

FDA Registration No: 12781904916

Represented by Mr. Nguyen Vu - General Manager.

The Buyer: RAMA FOOD MFG. CORP

Add: 1486E. CEDAR ST. ONTARIO, CA 91761

Tell: (909) 932 -5305

Fax: (909) 932-6666

Represented by Mrs. Tanya Garrett- Managing Director.

The Seller agrees to sell and the Buyer agrees to buy hereinafter commodities under the follow terms and conditions:

1. COMMODITY: White, irregular rice.

2. ORIGIN: Vietnam.

3. QUALITY:

- Broken: 25%.
- Moisture: 14%-15%.
- Double polish: required.
- Chalky kernel: 5.0% max (basis $\frac{3}{4}$ grain).
- Foreign matter: 1% max.
- Yellow kernel: 1% max.
- Paddy: 5 per kg.

4. QUANTITY:

- 929,880 kgs (nine hundred and twenty nine thousand, eight hundred and eighty kilos)
- Tolerance: 0.1%

5. UNIT PRICE: USD 365.0/Ton (US Dollars three hundred and sixty five per ton) CFR Long Beach Port, in accordance with INCOTERMS 2000.

6. SHIPMENT:

- Shipment date: from 25 September 2009 to 31 December 2009.
- Trans-shipment: Allowed.
- Partial shipment: Allowed.
- Port of Loading: Ho Chi Minh (any terminal)
- Port of Destination: Long Beach or Los Angeles.

7. PACKING: the rice is packed in new 45.36-kg PE bags (equivalent to 100lbs/bag).

8. INSPECTION: by the buyer's representative at the seller's warehouse or at the port of loading.

9. FUMIGATION: The rice must be fumigated in container at port of loading.

10. DOCUMENTS REQUIRED:

- Full set (3/3) original clean on board Bill of Lading.
- Signed commercial invoice in triplicate.
- Packing list in triplicate.
- Certificate of Fumigation issued by Vietnam government/ competent authority.
- Certificate of Origin to be issued by Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI)

11. PAYMENT: By T/T or by cash 100% in advance or within 5 days after B/L issuance date.

12. GERNERAL TERMS: Both parties undertake to execute strictly all article of this Contract. Any amendment or addition to this Contract shall be made in writing after being mutually agree by both parties.

13. FORCE MAJEURE: Neither party to this contract shall be held responsible for breach of contract caused by an act of god, insurrection, civil war, war, military operation or local emergency. The parties do hereby accept the international provision of "Force Majeure" published by the International Chamber of Commerce, Geneva, Switzerland, and as defined by I.C.C rules uniform customs and practice.

14. CLAIMS AND ARBITRATION: In case of claim on quality discrepancy against the seller, the buyer shall officially notify the seller by fax within 2 weeks from the date of arrival of vessel at discharging port. Thereafter, both buyer and seller mutually appoint an international reputable neutral inspection agency and such inspection result shall be deemed as final to both buyer and seller.

Any dispute arising under this sales contract would be settled amicable at first. In case the dispute cannot be settled dispute will be referred to the Vietnam International Arbitration Center of Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI).

This contract is recognized by email will come into force after being signed by both concerning parties.

Witness:

THE SELLER

THE BUYER

CHƯƠNG 7

3. Trên cương vị nhà nhập khẩu Việt Nam, hãy nhận xét các điều khoản sau của hợp đồng nhập khẩu thép tấm cán nóng (Hot rolled Steel Plates), chỉ ra những thiếu sót, bất lợi và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng hoàn chỉnh bằng tiếng Anh.

- Commodity: Steel.
- Quantity: 587 MT.
- Unit price: USD 630.00/MT HCMC port.
- Shipment: 180 days after received L/C.
- Payment: By irrevocable confirmed L/C, A/S with TTR.

4. Trên cương vị nhà xuất khẩu Việt Nam, hãy phân tích các điều khoản sau của hợp đồng xuất khẩu áo, chỉ ra những thiếu sót, bất lợi và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng hoàn chỉnh bằng tiếng Anh.

- Commodity: COAT
- Quantity: 6.000 pcs
- Price: USD 6.5 /pc
- Shipment: 20 days after signing of contract.
- Payment: Clean collection.

5. Hãy đọc Hợp đồng nhập khẩu phân bón hóa học tổng hợp (mục 7.3.2), đứng trên cương vị nhà nhập khẩu Việt Nam hãy phân tích hợp đồng nhập khẩu nêu trên, chỉ ra những thiếu sót, bất lợi cho phía nhà nhập khẩu và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng hoàn chỉnh bằng tiếng Anh.

6. Trên cương vị nhà nhập khẩu Việt Nam, hãy phân tích các điều khoản sau của hợp đồng nhập khẩu phân bón hóa học tổng hợp, chỉ ra những thiếu sót, bất lợi và sửa chữa lại, trên cơ sở đó lập hợp đồng hoàn chỉnh bằng tiếng Anh.

SALES CONTRACT

Contract No.: UC07WX2171-HL1

Date: Dec 27, 2007

The Seller: Yuntianhua United Commerce Co., LTD

Address: 1417#, Dianchi Road, Kunming, Yunnan, China 650228

Tel: 86-871-4327032 Fax: 86-871-4327054

The Buyer: Thien Thanh Loc Co., Ltd.

Address: 475 Tran Xuan Soan Street, Tan Kieng Ward, District 7, HCMC City, Viet Nam

Tel: +84 8 7714210 Fax: +84 8 7714211

The undersigned the Seller and the Buyer have confirmed this contract in accordance with the terms and conditions stated below:

1.

Commodity	Specification	Quantity (MT)	Unit Price	Amount (USD)
Mono-ammonium Phosphate (MAP)	Total Nitrogen: 10% Min. Available P2O5: 50% Min. Moisture: 2.5% Max. Granular (1-4mm): 90% Min	1,500	520.00 USD/ MT CFR FO HCM port, Vietnam	780,000.00
Total value: (in words) US dollars seven hundred eighty thousand only.				

10% (10 percent) more or less in quantity and total value is allowed at the Seller's option.

2. ORIGIN: P. R. China.**3. TERMS:** CFR FO HCM port, Vietnam

4. PACKING: 50Kgs net packed in new white PP woven bag with PE inner liner. 1% of new empty bags of the quantity is to be supplied free of charge.

5. MARKS: Manufacturer's marks in English or Chinese on one side of bags**6. DELIVERY TERMS AND CONDITIONS****6.1 Delivery Terms:** CFR FO HCM port, Vietnam with C.Q.D. in bags.**6.2 Loading Port:** Fangcheng Port, China.**6.3. Discharging Port:** HCM port, Vietnam**6.4. Latest shipment date:** Jan 20, 2008**6.6 Transshipment:** Not Allowed.**6.7 Partial Delivery:** Not Allowed.**6.8 Others**

A. Seller shall advice particular of the nominated vessel to the Buyer and such particular to be confirmed by the Buyer prior to the shipment.

B. Any detention charge at the loading port if any, to be for seller's account. Any detention charge at the discharging port due to Seller's delay arrangement and/or delay dispatch of the shipping documents, such detention should be for seller's account. Otherwise, detention charge at the discharging port should be for Buyer's account.

7. INSURANCE: Insurance is to be provided by, and for the account of the Buyer. Maximum Vessel's age is 25 years. In case the vessel is over 15 years old, OAP (Overage Premium) is to be for Seller's account.

8. NOTICE OF SHIPMENT:

CHƯƠNG 7

Within 24 hours after completion of loading, the Seller shall advise the following information to the Buyer by fax or E-mail.

A. Contract No., L/C number, Number and date of B/L

B. Name of Commodity and Quantity Loaded.

C. Sailing date, Estimate time arrival (date and time) at destination port.

D. Vessel's name, flag, age and vessel's agent in Vietnam.

9. PAYMENT TERMS

9.1. Payment Means: The Buyer should open the irrevocable and unrestricted L/C at sight for the total value of the Contract with 30 days validity to the Seller before Jan 1, 2008.

9.2. Beneficiary: Yuntianhua United Commerce Co., Ltd

Add: Kunming, Yunnan, China

A/C: 15283568091014

9.3. Advising Bank: BANK OF CHINA, YUNNAN BRANCH

Add: 515 Beijing Road, Kunming, Yunnan, China

Swift Code: BKCHCNBJ640

9.4. Documents for Payment: L/C should be opened against the following document requirements

A. Full set (3/3) of clean on board bill of lading consigned to the order of issuing bank indicate credit number marked freight prepaid and notify applicant.

B. Two original signed commercial invoice and two copies.

C. Detailed packing list issued by the Seller in triplicate originals.

D. One original Certificate of Quality and Weight issued by CCIC and two copies.

E. One original Certificate of Holds and Hatches Cleanliness issued by CCIC and two copies.

F. One original Certificate of Origin and two copies issued by China Council for The Promotion of International Trade (CCPIT).

10. TITLES AND RISK

Title to the MAP and risk of loss, destruction or damage of the MAP sold hereunder shall pass from the Seller to the Buyer in accordance with the Terms stipulated above Article 3.

11. INSPECTION AND CLAIMS

11.1. The Seller shall have the qualities, specifications, quantity and/or weight of the goods inspected by independent surveyor (CCIC), whose inspection and certificate to be governed and taken as final for negotiation before shipment at the loading port.

11.2. The Buyer has right to have the goods re-inspected by the local commodity inspection authority after discharge at the destination with cost for the Buyer's account. If the goods are found damaged/short/their specifications and quantities not in compliance with that specified in the contract, the Buyer shall lodge claims against the Seller based on the Inspection Certification issued by the Commodity Inspection Authority within 30 days.

11.3. Claims, if any regarding the quality, quantities/weight of the goods, shall be lodged within 30 days after arrival of the goods at the destination. The Seller shall not be held responsible for any loss or losses due to natural cause or causes falling within the responsibility of Carrier or Insurance Company.

12. FORCE MAJEURE: Neither party hereto shall be responsible for failure of the performance hereunder if caused by such cases of Force Majeure as war,

serious fire, flood, typhoon, earthquake, and/or other events agreed upon by both Parties. The time for the execution of the Contract shall be extended by a period agreed by both parties through friendly negotiation. But the Seller shall advise the Buyer in time of such occurrence.

13. APPLICATION LAW AND ARBITRATION

13.1. Applicable law: This contract shall be governed by the law of the People's Republic of China under the circumstances that the contract is signed or the goods while the disputes arising are in the People's Republic of China or the defendant is Chinese legal person, otherwise it is governed by United Nations Commission on International Trade Law (UNCITRAL)

13.2. Arbitration: Any dispute arising from the execution of, or in connection with this contract shall be settled amicably by negotiation. In case no settlement can be reached, the case under dispute should then be submitted to the China International Economic and Trade Arbitration Commission (CIETAC), South-China Subcommission for arbitration in accordance with its Rules of Arbitration in ShenZhen, whose awards shall be final and binding for both parties. Arbitration fee and other related charges shall be borne by the losing party, unless otherwise agreed.

14. Others In case the Letter of Credit does not reach the seller within the time stipulated in the contract, or if the Letter of Credit opened by the Buyer does not correspond to the contract terms and that the Seller shall have the right to cancel the contract or to delay the delivery of the goods.

15. GENERAL CONDITION

15.1 This contract comes into effect since being signed/sealed by both parties. Any amendment, agreement and additional clause to these conditions shall be valid only if made in written form and duly confirmed by both sides.

15.2 The terms and definitions in the contract are based on Incoterms 2000 Edition and its subsequent amendments and UCP DC 2007 revision ICC 600.

15.3 All other marine terms as per governing Gencon Charter Party

15.4 This contract is made in both English and Chinese of which English version is most effective in two originals each side keeps one. Conflicts between these two languages arising therefrom, if any, shall be subject to English version.

15.5 Charter Party Bills of Lading and third party documents to be acceptable.

15.6 All documents may be issued in other language but must be translated in English.

For the Seller

YUNTIANHUA UNITED COMMERCE CO. LTD

For the Buyer

THIEN THANH LOC CO. LTD

7. Trên cương vị nhà xuất khẩu Việt Nam, hãy phân tích hai hợp đồng cà phê dưới đây, so sánh, nghiên cứu cách soạn hợp đồng của NOBLE RESOURCES VIETNAM CO., LTD, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho doanh nghiệp Việt Nam.

Hợp đồng thứ nhất: Noble là nhà nhập khẩu

Contract No. CR30566PMN**Date: 10 – Oct – 2007****Buyer: NOBLE RESOURCES VIETNAM CO., LTD**

P2 Dien Bien Phu, Binh Thanh District,

Ho Chi Minh, Vietnam

Tel: +84 5127 230

Fax: + 84 5127 231

Seller: Vinh Hiep Company Ltd.

404 Le Duan

Pleiku, Gia Lai

Vietnam

Tel: +84 (059) 755899

Fax: +84 (059) 755851

E-mail: vinhhiepgl@yahoo.com

Commodity: Vietnam Robusta Coffee Grade 2, 5% Black and Broken beans**Quality: Moisture: 13.0% max**

Black and broken: 5.0% max

Foreign matter: 1.0% max

Foreign beans

(excelsa, arabica, catimor): 1.0% max

Bean size: Min 90% of beans on screen No. 13

Crop 2007-2008

Subject to pre-shipment sample approval by Noble Resources Vietnam Co., Ltd

Quantity: 129.60 MT 26 lots 2160 bags**Packing: In new jute bags****Price: To be fixed at USD 160 per MT under LIFFE Jan-08 at Seller's call.****Fixation term: Latest 31-12-07 Provisional price level 70% Stop loss level 75%, Slippage USD 5 is acceptable.**

Please refer to Noble Coffee's "Fixation Procedure" for more details.

Basis: Free Delivered, net Delivered Weight, to our non-bonded warehouse in Binh Duong**Payment: Net cash against delivery.**

Please refer to document requirements below Noble Vietnam

Shipment: First Half Dec 2007**Weight: Upon loading, quality and weight to be supervised by an independent inspection company at the seller ' s account. Subject to the final approval of the Noble**

Resources Vietnam Ltd inspection team upon delivery.

Documents:
1. Warehouse receipt
2. Weighing Note
3. Confirmation to the value of delivered coffee
4. VAT invoice of Financial Ministry**Arbitration : Any disputes related to this contract will be referred to the Vietnam International Arbitration Centre at the Chamber of Commerce and Industry of Vietnam (VIAC), subject to Vietnam Law**

QUẢN TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU

Remark: - In case the shipment is delayed by seller, all related costs will be on seller's account.

- In case seller fail to delivery, all related loss will be on seller's account.

For and on behalf of the Buyer

For and on behalf of the Seller

Hợp đồng thứ hai: Noble là nhà xuất khẩu

Contract No. CA32681SAM

Date: 17 – Sep – 2008

Seller:

NOBLE RESOURCES SA
A division of Noble Resources Pte Ltd
460 Alexandra Road , #26-06 PSA Building
Singapore 119963
Tel: +84 8 848 1302
Fax: +84 8 848 1303
Email: noblecoffee@noblecoffee.com
Represented by Mr: Tran Van An

Buyer:

ABC coffee.
22350 Hamburg, Germany
Tel: 49 6 546 8765
Fax: 49 6 546 8768
Email: abccoffee@nets.com.io
Represented by Mr: Lielpe

It has been agreed to sell and buy coffee beans under the following terms and conditions:

Commodity: Vietnam Washed Arabica, Screen 16, 0.1%Black

Quality: Moisture: 12.0% max
Black: 0.1% max
Broken: 1.5% max
Foreign matter: 0.1% max
Bean size: Min 90% of beans on screen No. 16
Crop: 2007 – 2008
Subject to approval pre-shipment sample, repeat basis (max. 3

times)

Quantity: 57.60 MT (+/-3%) 960 bags 0.06 MT/bags

Packing: 960 bags per container, in new jute bags, 3x20 container
(1 bag = 0.7 kg)

Price: US cents 121.5 per pound

Basis: CIF Hamburg (Incoterms 2000)
Net shipped weight, 1% franchise

Payment: Cash against documents at first presentation through HSBC
bank

Shipment: First Half of November 2008

Destination: Hamburg, Germany

Shipping line: To be advised